

Bản án số: 04/2022/HNGĐ-ST
Ngày 19 tháng 7 năm 2022
V/v: Ly hôn giữa chị M và anh D

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH HÀ GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Bùi Văn Đàm**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Ly Việt Hùng**

2. Ông **Nguyễn Công Văn**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Dung** - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Hà Giang

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Hà Giang tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Cương** - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 7 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Hà Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 03/2022/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 3 năm 2022, về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2022/QĐXX-ST ngày 01 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Vàng Thị M** - Sinh năm 1990; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn LLC, xã LT, huyện Đ, tỉnh Hà Giang; Nơi cư trú (tạm trú): Thôn X, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Hà Giang. (Có mặt);

Bị đơn: Anh **Sùng Mí D** - Sinh năm 1988; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn LLC, xã LT, huyện Đ, tỉnh Hà Giang; Nơi cư trú (tạm trú): Thôn X, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Hà Giang. Hiện đang chấp hành án tại trại tạm giam T771, Cục Điều tra hình sự - Bộ Quốc phòng, có địa chỉ tại: Xã CL, huyện BV, Thành phố Hà Nội. (Vắng mặt, có ý kiến xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 29/10/2021 cùng các tài liệu chứng cứ kèm theo và trong quá trình xét xử, nguyên đơn Vàng Thị M trình bày: Nguyên đơn và bị đơn là anh Sùng Mí D kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 16/01/2010, tại Ủy ban nhân dân xã LT, huyện Đ, tỉnh Hà Giang. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống tại thôn LLC, xã LT, huyện Đ, tỉnh Hà Giang. Kể từ năm 2012, vợ chồng chuyển đến cư trú tại thôn X, thị trấn Đ, huyện Đ. Vợ

chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do chị M tham gia làm du lịch để phát triển kinh tế, tăng thêm thu nhập cho gia đình nhưng anh D không đồng ý. Anh cho rằng khi làm du lịch chị M sẽ quen biết nhiều người và sẽ có tình cảm với người khác, dẫn đến vợ chồng thường xuyên bất hòa, cãi cọ nhau. Dần dần anh D không quan tâm đến gia đình, để mặc cho chị chăm sóc con cái. Đến năm 2019, hai vợ chồng đã bàn đến chuyện ly hôn. Tuy nhiên, khi hai vợ chồng chưa nộp đơn ra Tòa thì đầu năm 2020, anh Sùng Mí D vi phạm pháp luật hình sự và phải đi chấp hành án tại Trại tạm giam T771 Cục Điều tra hình sự - Bộ Quốc phòng, kể từ đó, một mình chị phải chăm sóc hai con. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh D.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng chị có 02 con chung là cháu Sùng Thị L (sinh ngày 27/5/2010) và cháu Sùng Quang H (sinh ngày 09/02/2014). Khi ly hôn chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cả hai cháu đến khi các cháu đủ 18 tuổi, anh Sùng Mí D không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền thăm nom con theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung: Chị và anh D tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản, công nợ chung.

Tại biên bản lấy lời khai hồi 14 giờ 50 phút, ngày 08/6/2020 tại Trại tạm giam T771, Cục Điều tra hình sự - Bộ Quốc phòng, anh Sùng Mí D khai: Anh nhất trí với trình bày của chị Vàng Thị M về việc xác lập quan hệ hôn nhân, quá trình chung sống. Anh xác nhận quá trình chung sống vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn nhưng chỉ là những mâu thuẫn nhỏ. Nay chị M xin ly hôn với anh thì anh không nhất trí vì lý do chị M xin ly hôn với anh là những lý do chung chung, không cụ thể. Anh mong muốn sau khi anh chấp hành án xong trở về địa phương vợ chồng đoàn tụ cùng nhau nuôi dạy con cái. Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng anh có 02 con chung là cháu Sùng Thị L (sinh ngày 27/5/2010) và cháu Sùng Quang H (sinh ngày 09/02/2014). Hiện hai cháu đang sống cùng chị M tại thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Hà Giang. Khi ly hôn anh không nhất trí giao hai con chung cho chị M nuôi dưỡng, giáo dục. Về tài sản chung, công nợ chung: Do chị M không yêu cầu Tòa án giải quyết nên anh không có ý kiến gì.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Hà Giang phát biểu ý kiến :

Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Thẩm phán được phân công thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự. Trong thời gian chuẩn bị xét xử Thẩm phán đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ của mình, tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ, kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, tổng đạt các văn bản, quyết định tố tụng cho đương sự đầy đủ; ban hành Quyết định đưa vụ án ra xét xử đúng thời hạn, đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm, tiến hành khai mạc phiên tòa, giới thiệu thành phần Hội đồng xét xử, phổ biến quyền và nghĩa vụ của đương sự. Thành phần Hội đồng xét xử đúng như đã nêu tại Quyết định đưa vụ án xét xử; Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa điều hành trình tự, thủ tục tranh tụng đúng quy định từ Điều 249 đến Điều 260 Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm hội đồng xét xử nghị án: Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại các điều 70, 71, 72, 227 và 234 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Quan điểm về việc giải quyết vụ án: Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51; Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, cho chị Vàng Thị M ly hôn với anh Sùng Mí D. Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các điều 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình, giao con chung là các cháu Sùng Thị L (sinh ngày 27/5/2010) và cháu Sùng Quang H (sinh ngày 09/02/2014) cho chị Vàng Thị M trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, anh Sùng Mí D không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền thăm nom con theo quy định của pháp luật. Về tài sản, công nợ chung: Chị M, anh D tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét. Về án phí: Chị Vàng Thị M là người dân tộc thiểu số, sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, có đơn xin miễn án phí dân sự sơ thẩm, do vậy đề nghị Hội đồng xét xử miễn án phí dân sự sơ thẩm cho chị M.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Đơn khởi kiện của chị Vàng Thị M về việc xin ly hôn với anh Sùng Mí D được Tòa án nhân dân huyện Đ thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã xác định tư cách đương sự, xác minh thu thập chứng cứ, tiến hành kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ; ra quyết định đưa vụ án ra xét xử đúng trình tự, thủ tục luật định. Do anh Sùng Mí D đang chấp hành án phạt tù, Tòa án nhân dân huyện Đ đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng, lấy lời khai của anh Sùng Mí D theo đúng quy định tại các điều 97, 98 và 105 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng do anh D vắng mặt nên chỉ tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ mà không hòa giải được. Do điều kiện thực tế, anh D có ý kiến xin vắng mặt trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, vì vậy Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh D là phù hợp với khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Vàng Thị M và anh Sùng Mí D kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định tại Ủy ban nhân dân xã LT, huyện Đ, tỉnh Hà Giang vào ngày 16/01/2010. Do vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị M và anh D là hợp pháp. Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng trong việc làm

ăn, phát triển kinh tế gia đình, vợ chồng xảy ra cãi cọ nhau, dần dần anh D không quan tâm đến gia đình để mặc cho chị M chăm sóc con cái. Đầu năm 2020 anh Sùng Mí D phải đi chấp hành án tại Trại tạm giam T771, Cục Điều tra hình sự - Bộ Quốc phòng, kể từ đó, một mình chị M phải chăm sóc hai con. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh D. Nay anh D không nhất trí ly hôn nhưng chị M vẫn kiên quyết ly hôn. Theo quy định tại khoản 1 Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình thì: *“1. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình”*. Tuy nhiên, anh D đã không chia sẻ với vợ trong việc xây dựng kinh tế gia đình mà còn không quan tâm đến gia đình, để mặc chị M chăm sóc con cái, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy, Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị M, xử cho chị M được ly hôn với anh D theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3]. Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng chị có 02 con chung là cháu Sùng Thị L (sinh ngày 27/5/2010) và cháu Sùng Quang H (sinh ngày 09/02/2014). Khi ly hôn chị M có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục cả hai cháu đến khi đủ 18 tuổi, chị không yêu cầu anh Sùng Mí D phải cấp dưỡng nuôi con. Anh D không nhất trí giao các con cho chị M nuôi dưỡng khi hai vợ chồng ly hôn, tuy nhiên thời điểm hiện tại, anh không có điều kiện thực tế để nuôi con. Trên cơ sở nguyện vọng của hai bên đương sự, nguyện vọng và quyền lợi về mọi mặt của các cháu, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1, khoản 2 Điều 81; khoản 1, khoản 3 Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình, giao các cháu Sùng Thị L và Sùng Quang H cho chị Vàng Thị M trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, anh D không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền thăm nom con theo quy định của pháp luật.

[4]. Về tài sản, công nợ chung: Các đương sự đều nhất trí khi ly hôn tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết, do vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về án phí: Chị Vàng Thị M là người dân tộc thiểu số, sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, có đơn xin miễn án phí dân sự sơ thẩm, do vậy Hội đồng xét xử áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 6 Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án để miễn án phí dân sự sơ thẩm cho chị Vàng Thị M.

[6] Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình,

Áp dụng khoản 1,2 Điều 81; khoản 1,3 Điều 82, Điều 83, của Luật Hôn nhân và gia đình;

Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 6 Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Áp dụng Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự,

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Cho ly hôn giữa chị Vàng Thị M và anh Sùng Mí D

2. *Về con chung*: Giao con chung là các cháu Sùng Thị L (sinh ngày 27/5/2010) và Sùng Quang H (sinh ngày 09/02/2014) cho chị Vàng Thị M trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Anh Sùng Mí D không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền thăm nom con theo quy định của pháp luật, không ai được cản trở quyền này.

3. *Về án phí*: Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho chị Vàng Thị M.

4. *Quyền kháng cáo*: Chị Vàng Thị M có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày tuyên án; anh Sùng Mí D có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Đ;
- TAND tỉnh;
- THADS huyện Đ;
- Các đương sự;
- UBND xã LT, huyện Đ, tỉnh Hà Giang;
- Lưu hồ sơ vụ án, vp.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Văn Đàm